

入選編號	班別	訓練地區	姓名(中文)	姓名(英文)
B8-S1-01	B8	南區	陳啟華	CHAN KAI WA
B8-S1-02	B8	南區	周朗琪	CHAU LONG KI
B8-S1-03	B8	南區	張穎琛	CHEUNG WING SUM
B8-S1-04	B8	南區	蔡柏浩	CHOI PAK HO
B8-S1-05	B8	南區	周樹生	CHOW SHU SCONG
B8-S1-06	B8	南區	徐志聰	CHUI CHI CHUNG MICHAEL
B8-S1-07	B8	南區	徐祐峰	CHUI YAU FUNG
B8-S1-08	B8	南區	何浩臻	HO HO CHUN
B8-S1-09	B8	南區	郭展浩	KWOK CHIN HOU
B8-S1-10	B8	南區	黎希樂	LAI HEI LOK
B8-S1-11	B8	南區	黎家希	LAI KA HEI
B8-S1-12	B8	南區	黎湘駿	LAI SHUENG CHUN
B8-S1-13	B8	南區	賴永健	LAI WING KIN
B8-S1-14	B8	南區	黎日朗	LAI YAT LONG
B8-S1-15	B8	南區	盧樹旻	LO SHU MAN
B8-S1-16	B8	南區	呂俊輝	LU CHUN FAI
B8-S1-17	B8	南區	馬梓軒	MA TSZ HIN
B8-S1-18	B8	南區	吳沛儒	NG PUI YU
B8-S1-19	B8	南區	吳尚軒	NG SHEUNG HIN
B8-S1-20	B8	南區	曾俊盛	TSANG CHUN SHING
B8-S1-21	B8	南區	謝易臻	TSE YIK CHUN MARCUS
B8-S1-22	B8	南區	黃敬中	WONG KING CHUNG
B8-S1-23	B8	南區	黃貴霖	WONG KWAI LAM
B8-S1-24	B8	南區	王永平	WONG WING PING
B8-S1-25	B8	南區	黃宇軒	WONG YU HIN HENRY
B8-S1-26	B8	南區	黃睿然	WONG YUI YIN
B8-S1-27	B8	南區	蕭愷燊	XIAO KAI SHEN
B8-S1-28	B8	南區	薛潤博	XUE RUMBO
B8-S1-29	B8	南區	楊子林	YEUNG TSZ LAM
B8-S1-30	B8	南區	葉顯睿	YIP HIN YUI JACOB